TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 214/2025/DS-PT Ngày: 18 - 11 - 2025 V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Tín.

Bà Phạm Thị Anh Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phó Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1974;

2. Ông **Nguyễn Thành M**, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Số B đường N, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Nguyễn Minh H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông **Lê Tấn T**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường C, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Trần Mỹ N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A V, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

Do có kháng cáo của ông Lê Tấn T là bị đơn và bà Nguyễn Thị Mỹ L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thành M trình bày:

Ngày 19/7/2022, bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thành M có cho vợ chồng ông Lê Tấn T, bà Đặng Thị Mỹ N1 vay số tiền 500.000.000 đồng với thời hạn 02 tháng tính từ ngày 19/7/2022, lãi suất thoả thuận bằng lời nói. Đến hạn, ông T và bà N1 không trả tiền mặc dù bà C và ông M nhiều lần yêu cầu.

Nay, ông M, bà C khởi kiện yêu cầu ông Lê Tấn T và bà Đặng Trần Mỹ N trả toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 500.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2025, nguyên đơn yêu cầu ông Lê Tấn T và bà Đặng Trần Mỹ N trả số tiền lãi từ ngày 19/7/2022 đến ngày 19/01/2025 tạm tính là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định là số tiền yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất tính từ ngày 20/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.000.000 đồng.

Tại phiên toà, ông T có giao nộp tài liệu ông cho rằng liên quan đến việc bà L chuyển khoản và nhắn tin với bà C, tuy nhiên bà C không thừa nhận và cho rằng những nội dung mà ông T giao nộp không liên quan đến vụ án đang tranh chấp.

Đối với ý kiến của bị đơn ông Lê Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Trần Mỹ N cho rằng ông T và bà N chỉ là người đứng ra ký vay tiền giúp bà L chứ không nhận tiền thì bà C không đồng ý bởi vì có vay tiền mới ký giấy nhận tiền và khoản vay của bà L là một khoản vay khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại cấp sơ thẩm.

Bà C xác định ông T là người trực tiếp nhận 500.000.000 đồng và ký vào giấy vay tiền 500.000.000 đồng lập ngày 15/3/2022 giữa hai bên, bà C là người giao 500.000.000 đồng cho ông T tại nhà bà C và không có mặt bà L tại thời điểm giao tiền. Khi vay 500.000.000 đồng, ông T không nói về số tiền 500.000.000 đồng mà ông T nhận của bà C là vay hộ cho bà L. Ông T cho rằng bà C đã chuyển 500.000.000 đồng cho bà L làm 02 lần: một lần là 350.000.000 đồng và một lần là 150.000.000 đồng thì đề nghị ông T xuất trình chứng cứ. Riêng đối với bà L, bà C khẳng định có cho bà L vay 600.000.000 đồng, đây là khoản vay riêng giữa bà C với bà L không liên quan đến khoản vay 500.000.000 đồng của ông T, bà C xác định số tiền 400.000.000 đồng bà L đã trả là trả cho khoản vay 600.000.000 đồng.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Tấn T trình bày:

Ngày 15/03/2022, ông Lê Tấn T có đứng tên viết giấy vay mượn hộ cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng. Đến ngày 19/7/2022, vay thêm 150.000.000 đồng với lãi suất 9%/tháng. Vợ chồng ông T đồng ý và đứng ra vay tiền cho bà L, còn việc nhận tiền, chuyển khoản, lãi suất do bà C và bà L làm việc với nhau. Ông T chỉ đứng ra vay hộ và không có bàn bạc giữa hai bên. Chiều ngày 01/12/2022, ông T nói với bà L mang số tiền gốc 400.000.000 đồng trả cho bà C, có mặt vợ chồng bà C. Vậy số tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng, ông T đề nghị vợ chồng bà C viết lại giấy khác, bà L chốt số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng nên yêu cầu bà C viết giấy khác cho bà L. Tuy nhiên, vợ chồng bà C1 nói đã trả 400.000.000 đồng thì còn 100.000.000 đồng có mất mát gì đâu, từ từ mà viết, lãi suất bà L đã trả đầy đủ cho bà C.

Từ ngày 01/12/2022 cho đến tháng 04/2023, bà L đã trả lãi đầy đủ. Đến đầu năm 2022, bà L hết khả năng trả lãi nên có hẹn 40 ngày sau bà L sẽ trả tiền gốc và lãi nhưng vợ chồng bà C không đồng ý, vì vậy vợ chồng bà C yêu cầu ông trả nợ. Ông T khẳng định ông chỉ đứng ra ký giấy vay tiền chứ không nhận tiền của bà C. Vì vậy, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T trình bày:

Ông T xác nhận chữ ký trong Giấy vay tiền lập ngày 15/3/2022 là của ông nhưng thực tế ông T không vay số tiền 500.000.000 đồng này của bà C, số tiền 500.000.000 đồng ông ký trong giấy vay tiền ngày 15/3/2022 là do ông T vay hộ cho bà L vì không quen biết bà C nên bà L có nhờ ông T giới thiệu đến chỗ bà C vay tiền. Ông T không trực tiếp nhận 500.000.000 đồng của bà C mà số tiền 500.000.000 đồng này được bà C chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bà L chia thành hai lần chuyển (một lần 350.000.000 đồng và một lần 150.000.000

đồng), bà L là người trực tiếp trả tiền lãi cho bà C hàng tháng. Ông T xác định ông T, bà C và bà L không có thỏa thuận về việc ông T vay 500.000.000 đồng hộ bà L. Khi làm giấy vay tiền ngày 15/3/2022 có mặt bà L, bà C và ông T nhưng bà L không ký vào giấy vay tiền vì bà C không đồng ý. Ông T xác định không nhận tiền mặt từ bà C nên ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Trần Mỹ N trình bày:

Bà đồng ý với ý kiến của bị đơn ông Lê Tấn T và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N giữ nguyên ý kiến tại cấp sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại giai đoạn sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày như sau:

Việc ông T ký giấy vay nợ 500.000.000 đồng ngày 15/3/2022 với bà C không liên quan tới bà L, bà L cũng không vay 500.000.000 đồng của bà C. Ngày 15/3/2022, bà L và ông T có đến nhà bà C, sau khi ký giấy vay tiền tại nhà bà C thì ông T có nói bà C chuyển 500.000.000 đồng ông T vay vào tài khoản của bà L và số tiền 500.000.000 đồng này được bà C đã chuyển vào tài khoản của bà L chia thành 02 lần chuyển (lần 01: 350.000.000 đồng, lần 02: 150.000.000 đồng), sau đó bà L là người trực tiếp sử dụng và trả lãi hàng tháng cho bà C, việc bà L trả lãi cho bà C không liên quan gì đến ông T. Bà L xác định giữa bà L và ông T không có thỏa thuận về việc vay hộ số tiền 500.000.000 đồng của bà C, ngoài ra bà L còn vay riêng của bà C 600.000.000 đồng. Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa đã tuyên:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành M và bà Nguyễn Thị C. Buộc bị đơn ông Lê Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Trần Mỹ N phải trả cho ông M, bà C số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày 20/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/7/2025 và ngày 04/8/2025 ông Lê Tấn T là bị đơn và ngày 04/8/2025 bà Nguyễn Thị Mỹ L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn kháng cáo nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hòa. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành M vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đỗ Nguyễn Minh H có mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L:

[3.1] Ông Lê Tấn T cho rằng ông T không vay tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị C, khoản vay 500.000.000 đồng là bà L nhờ ông T vay hộ nên ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

[3.1.1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông T đều xác định chữ ký, chữ viết trong Giấy mượn tiền ngày 15/3/2022 do bà C xuất trình là của ông. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Tuy nhiên ông T cho rằng ông chỉ đứng ra vay giúp bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 500.000.000 đồng từ bà C, bà L là người trực tiếp nhận tiền và trả lãi hàng tháng cho bà C, ông T không hề liên quan đến khoản vay trên. Xét thấy: Ông T không xuất trình được chứng cứ có việc thỏa thuận giữa bà C, ông T, bà L về việc ông T đứng ra vay 500.000.000 đồng hộ bà L như đã trình bày, phía bà C cũng không thừa nhận có việc ông T vay hộ bà L 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng xác định bà không liên quan đến số tiền 500.000.000 đồng ông T vay của bà C theo Giấy mượn tiền ngày 15/3/2022 và bà L cũng không nhờ ông T vay hộ 500.000.000 đồng từ bà C như ông T trình bày. Như vậy lời khai của ông T về số tiền 500.000.000 đồng vay của bà C theo Giấy vay lập ngày 15/3/2022 do ông T ký xác nhận là số tiền ông vay hộ bà L là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.1.2] Ngoài ra tại phiên tòa, ông T và bà L xác định số tiền 500.000.000 đồng bà C cho ông T vay được bà C chuyển vào tài khoản của bà L chia thành 02 lần: lần 01: 350.000.0000 đồng và lần 02: 150.000.000 đồng, bà L có xuất trình sao kê chuyển khoản tại phiên tòa tuy nhiên qua xem xét chứng cứ sao kê do bà L xuất trình thì không có giao dịch chuyển khoản nào từ bà C cho bà L số tiền nêu trên.

[3.2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L cho rằng bà L là người trực tiếp nhận số tiền 500.000.000 đồng do bà C chuyển khoản:

Tại phiên tòa, bà L xác định không ký và không liên quan đến giấy mượn tiền ngày 15/3/2022 giữa ông T và bà C, bà L cũng không vay 500.000.000 đồng của bà C, tuy nhiên tại phiên tòa bà L lại cho rằng có nhận 500.000.000 đồng do bà C chuyển vào tài khoản của bà và bà L là người trực tiếp sử dụng cũng như trả lãi hàng tháng cho bà C. Nhận thấy: Như đã phân tích ở mục [3.1.2] thì không có căn cứ xác định bà C đã chuyển cho bà L 02 lần tiền với tổng số tiền là 500.000.000 đồng như bà L, ông T trình bày. Bà L đã xác định không liên quan

đến hợp đồng vay 500.000.000 đồng giữa ông T và bà C nhưng lại kháng cáo cho rằng bà L là người nhận 500.000.000 đồng của bà C và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định không có nghĩa vụ với nguyên đơn, như vậy lời khai của bà L tại phiên tòa có nhiều mâu thuẫn với nhau và cũng mâu thuẫn với nội dung trình bày trong đơn kháng cáo của chính bà L. Do bà L không xuất trình được chứng cứ gì mới để chứng minh số tiền 500.000.000 đồng ông T vay của bà C là số tiền mà bà L trả lãi và gốc cho bà C hàng tháng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L.

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L, chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0000918 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa do ông Lê Tấn T nộp và Biên lai thu tiền số 0001065 ngày 28/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa do ông Lê Tấn T nộp thay bà Nguyễn Thị Mỹ L. Ông T, bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hòa.

Căn cứ: Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành M, bà Nguyễn Thị C với ông Lê Tấn T.

Buộc bị đơn ông Lê Tấn T và bà Đặng Trần Mỹ N phải liên đới trả cho ông Nguyễn Thành M, bà Nguyễn Thị C số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu

đồng), trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày 20/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tấn T và bà Đặng Trần Mỹ N liên đới chịu 28.000.000 đồng *(Hai mươi tám triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thành M tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005114 ngày 03/01/2025 và 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền số 0005140 ngày 22/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0000918 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa do ông Lê Tấn T nộp và Biên lai thu tiền số 0001065 ngày 28/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa do ông Lê Tấn T nộp thay bà Nguyễn Thị Mỹ L. (Ông Lê Tấn T, bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/11/2025)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (5);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- P. THADS khu vực 2 – Khánh Hòa (1);
- TAND khu vực 2 – Khánh Hòa (1);
- Phòng GĐKT, TT&THA (1);
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Dịu